

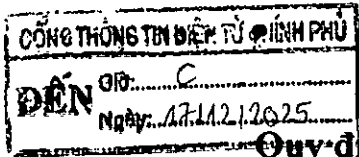
THĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 322/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2025



NGHỊ ĐỊNH

Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu trong trường hợp đặc thù

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu trong trường hợp đặc thù.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu trong trường hợp đặc thù (sau đây gọi là đặc khu) quy định tại Điều 28 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 2. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân đặc khu với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân đặc khu chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động, trong việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

2. Hằng năm, Ủy ban nhân dân đặc khu báo cáo kết quả hoạt động với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề có liên quan trước Hội đồng nhân dân cấp tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 3. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân đặc khu chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thực hiện chế độ báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp phát sinh vấn đề vượt thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu phải báo cáo bằng văn bản hoặc bằng các hình thức phù hợp khác để xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có ý kiến chỉ đạo trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nội dung xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu.

Điều 4. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu với Đảng ủy đặc khu

Ủy ban nhân dân đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy đặc khu trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở đặc khu theo quy định của Đảng và của pháp luật; các nhiệm vụ, quyền hạn được chính quyền địa phương cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền.

Điều 5. Quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân đặc khu với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở đặc khu

1. Ủy ban nhân dân đặc khu phối hợp và phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở đặc khu trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật trên địa bàn, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương ở đặc khu.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở đặc khu được mời tham dự phiên họp của Ủy ban nhân dân đặc khu khi bàn về các vấn đề có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện chế độ thông báo tình hình của địa phương cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở đặc khu.

4. Ủy ban nhân dân đặc khu có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở đặc khu khi xây dựng, ban hành hoặc triển khai các chính sách có liên quan trực tiếp đến dân cư, dân tộc, tôn giáo, an sinh xã hội, đất đai, môi trường theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, giải quyết và trả lời các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở đặc khu tham gia xây dựng chính quyền; tiếp nhận, giải quyết và trả lời các ý kiến, kiến nghị của Nhân dân địa phương do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đặc khu tổng hợp và chuyển đến.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân đặc khu

Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã quy định tại các khoản 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 22 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành và tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn đặc khu; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và các nguồn lực cần thiết khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn đặc khu.

3. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân, hội nhập kinh tế quốc tế và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn đặc khu theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của đặc khu, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn đặc khu theo quy định của pháp luật; quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đặc khu theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính của đặc khu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

7. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu. Căn cứ chỉ tiêu biên chế được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương đặc khu, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn đặc khu.

8. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn đặc khu theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh.

9. Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn đặc khu; biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn đặc khu; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương đặc khu và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn đặc khu theo quy định của pháp luật.

10. Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, biển, bảo vệ môi trường trên địa bàn đặc khu theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn đặc khu; biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông; biện pháp triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đặc khu.

11. Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn đặc khu theo quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn đặc khu theo quy định của pháp luật.

12. Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên trên địa bàn đặc khu theo quy định của pháp luật.

13. Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn đặc khu theo quy định của pháp luật.

14. Quyết định những nhiệm vụ mà pháp luật giao cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định hoặc thông qua; trình cấp có thẩm quyền xem xét đối với những nhiệm vụ mà pháp luật giao cho Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu

Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17 Điều 23 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và của Ủy ban nhân dân đặc khu; kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn.

2. Quyết định áp dụng các biện pháp cấp bách khác quy định của pháp luật hoặc vượt thẩm quyền trong trường hợp thật sự cần thiết vì lợi ích quốc gia, bảo đảm an ninh chủ quyền biển đảo, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân trên địa bàn đặc khu, sau đó báo cáo cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian sớm nhất.

3. Được thay mặt Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân đặc khu, trừ những nội dung quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định này và báo cáo Ủy ban nhân dân đặc khu tại phiên họp gần nhất.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU, CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH KHÁC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU

Điều 8. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân đặc khu

1. Ủy ban nhân dân đặc khu hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; đồng thời đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu.

2. Ủy ban nhân dân đặc khu được tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bảo đảm linh hoạt, chủ động ứng phó khi có sự kiện, tình huống đột xuất, bất ngờ xảy ra nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên các vùng biển, hải đảo, phát huy lợi thế, tiềm năng kinh tế biển của các đặc khu.

3. Tổ chức Ủy ban nhân dân đặc khu tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân đặc khu.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến vào giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tại đặc khu theo quy định của pháp luật, bảo đảm các hoạt động của Ủy ban nhân dân đặc khu phải thực sự dân chủ, công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt.

5. Hoạt động của Ủy ban nhân dân đặc khu phải đáp ứng sự hài lòng của người dân, tuân thủ trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền được giao, theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân đặc khu.

Điều 9. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân đặc khu

1. Ủy ban nhân dân đặc khu gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân đặc khu, trừ trường hợp bố trí sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan của cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu.

2. Số lượng cụ thể Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bảo đảm tinh gọn, phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại địa bàn đặc khu và theo quy định của Chính phủ về khung số lượng Phó Chủ tịch, số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân.

3. Ủy ban nhân dân đặc khu được tổ chức các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác hoặc bố trí các công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân đặc khu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực.

Điều 10. Tổ chức cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu

1. Trường hợp tại đặc khu có tổ chức cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu thì Ủy ban nhân dân đặc khu được thành lập Văn phòng Ủy ban nhân dân đặc khu; có thể thành lập thêm 01 phòng chuyên môn khác và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

2. Căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, các yếu tố đặc thù của đặc khu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền sau đây:

a) Quyết định cụ thể số lượng, tên gọi, chức năng, cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản lý ở đặc khu;

b) Quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu.

3. Trường hợp tại đặc khu chỉ thành lập Văn phòng Ủy ban nhân dân đặc khu mà không thành lập phòng chuyên môn khác và Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu thì Văn phòng Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn khác, Trung tâm Phục vụ hành chính công.

4. Trường hợp tại đặc khu không tổ chức cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu thì Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định việc bố trí các công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân đặc khu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

Điều 11. Hoạt động của Ủy ban nhân dân đặc khu, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu

1. Ủy ban nhân dân đặc khu họp thường kỳ mỗi tháng 01 lần và họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất trong các trường hợp sau đây:

- a) Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định;
- b) Theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- c) Theo yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số thành viên của Ủy ban nhân dân đặc khu.

2. Ủy ban nhân dân đặc khu thảo luận tập thể và quyết định đối với những nội dung sau đây:

- a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân đặc khu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Những nội dung quy định tại các điểm b, c, đ, e khoản 2 Điều 40 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
- c) Những nội dung quy định tại các khoản 3, 6, 7, 8 Điều 6 của Nghị định này.

3. Quyết định của Ủy ban nhân dân đặc khu phải được quá nửa tổng số thành viên của Ủy ban nhân dân đặc khu biểu quyết tán thành. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu đã biểu quyết. Việc biểu quyết có thể được thực hiện tại phiên họp Ủy ban nhân dân đặc khu, bằng phiếu lấy ý kiến các thành viên của Ủy ban nhân dân đặc khu hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân đặc khu.

4. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu phân công theo lĩnh vực, địa bàn công tác; chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu và trước pháp luật về các quyết định thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quyền hạn được phân công.

Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu vắng mặt, 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu phân công thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu lãnh đạo công tác của Ủy ban nhân dân đặc khu.

5. Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể theo ngành, lĩnh vực được Ủy ban nhân dân đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu phân công; tham gia giải quyết các nhiệm vụ, công việc chung của tập thể Ủy ban nhân dân đặc khu; cùng tập thể Ủy ban nhân dân quyết định và liên đới chịu trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Hoạt động của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện theo quy định của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa; Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân đặc khu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp không tổ chức cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu thì hoạt động của các công chức chuyên môn đề tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân đặc khu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên địa bàn thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân đặc khu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, bố trí, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, bố trí, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, bố trí, miễn nhiệm Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu.

3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, bố trí, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác và các nội dung khác liên quan đến công tác cán bộ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 13. Giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu

Trường hợp khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ. Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu.

Điều 14. Đối thoại giữa Ủy ban nhân dân đặc khu với Nhân dân

1. Ít nhất mỗi năm một lần hoặc khi có ít nhất 10% tổng số cử tri của đặc khu yêu cầu hoặc trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân đặc khu tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân thông qua hình thức trực tiếp, trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc thông qua mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật để trao đổi về tình hình hoạt động của chính quyền địa phương và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở

địa phương. Trường hợp tổ chức hội nghị đối thoại theo hình thức trực tiếp thì có thể tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo từng đảo hoặc cụm dân cư nếu khoảng cách địa lý quá xa.

2. Ủy ban nhân dân đặc khu có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức hội nghị đối thoại quy định tại khoản 1 Điều này; mời đại diện cấp ủy cùng cấp tham gia hội nghị đối thoại và phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức phù hợp khác về thời gian, địa điểm, nội dung và cách thức tham dự hội nghị đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị.

3. Nội dung kết quả hội nghị đối thoại với Nhân dân phải được Ủy ban nhân dân đặc khu thông báo đến Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân đặc khu, gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố trên địa bàn hoặc các hình thức phù hợp khác và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2025.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu đã được cấp có thẩm quyền chỉ định theo quy định thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi hết nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trường hợp khuyết hoặc cần phải miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với người giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu đã được chỉ định thì thực hiện quy trình bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, bố trí hoặc miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác theo quy định tại Nghị định này.

2. Kể từ nhiệm kỳ 2026 - 2031 thì việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, bố trí, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Đối với đặc khu có quá ít hoặc chưa có dân cư sinh sống, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại Nghị định này quyết định cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân đặc khu cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên vùng biển, hải đảo, phát huy lợi thế, tiềm năng kinh tế biển, hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm thu hút người dân sinh sống, bảo vệ và phát triển biển đảo.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có đặc khu và Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (02b) **70**

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Thị Thanh Trà